

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
<b>ĐẾN</b>	Số: 1602
	Ngày: 20/12
	Chuyên: Căn cứ Luật

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 và thay thế Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ



nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Giám đốc Chi nhánh tỉnh: Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Thủ trưởng các Hội đoàn thể cấp tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ngân hàng CSXH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin Điện tử tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh; Các CV;
- Lưu VT, DN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao

## **QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua  
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo  
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 102 /2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2017  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

### **Chương I**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện (gọi chung là nguồn vốn ngân sách địa phương) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện (gọi chung NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm ủy thác qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.
2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

### **Chương II**

## **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Cơ quan chuyên môn được UBND cấp tỉnh, cấp huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện**

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh.

*lsl*

2. Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

### **Điều 5. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương**

Hàng năm UBND cấp tỉnh, cấp huyện bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền, hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

### **Điều 6. Đối tượng cho vay**

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (viết tắt là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP) và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (nếu có).

### **Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay**

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP. Trường hợp cần thiết, UBND cấp tỉnh, cấp huyện trong phạm vi nguồn vốn đã ủy thác của cấp mình, quy định mục đích sử dụng vốn vay hàng năm trên cơ sở tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế tại địa phương phù hợp với Nghị định số 78/2002/NĐ-CP.

### **Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay**

Thực hiện theo các quy định hiện hành của NHCSXH và các quy định của UBND tỉnh (nếu có).

### **Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

### **Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, cấp huyện quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh);

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác;

c) Trích 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, trong đó:

- Trích 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, quản lý, tổng hợp của cơ quan Tài chính và Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. Trong đó, cơ quan tài chính 2% số tiền lãi thu được, Lao động - Thương binh và Xã hội 3% số tiền lãi thu được. Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Trích 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về quy chế quản lý tài chính, khen thưởng của NHCSXH;

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay tại NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Hàng tháng hoặc quý, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện cho vay căn cứ báo cáo số lãi thu được, dư nợ cho vay bình quân để hạch toán theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

### **Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro**

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH và các quy định hiện hành của UBND tỉnh về xử lý nợ bị rủi ro thuộc nguồn vốn ủy thác địa phương.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao

động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện báo cáo UBND cấp tỉnh, cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giám trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác địa phương để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

### **Điều 12. Chế độ báo cáo**

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay, quản lý và sử dụng tiền lãi vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp tỉnh, Sở Tài chính được giao ký hợp đồng ủy thác.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác, quản lý và sử dụng tiền lãi vay gửi UBND cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch được giao ký hợp đồng ủy thác.

### **Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán**

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

1. Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch) chủ trì, phối hợp với Sở (Phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất với UBND cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện ủy thác cho NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định trình UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc khoan nợ, xóa nợ theo quy định trên cơ sở đề nghị của NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

## 2. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác:

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

## 3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương chuyển sang NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo UBND cùng cấp về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện trong tháng 2 của năm sau.

## 4. UBND thành phố Huế, thị xã và các huyện:

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

## 5. UBND xã, phường, thị trấn:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn,... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia Tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi,...

## 6. Trách nhiệm của người vay

a) Khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Low

### **Điều 15. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các khoản theo quy định tại Điều 10 Quy chế này: Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung; trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân; trích số tiền lãi thu được trước ngày 01/4/2017, tỷ lệ trích thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

2. Đối với các khoản trích theo quy định tại khoản 1 Điều này kể từ ngày 01/4/2017, tỷ lệ trích thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

### **Điều 16. Xử lý vi phạm**

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

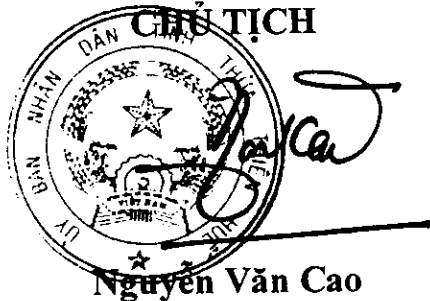
### **Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định ban hành kèm theo Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh để nghiên cứu báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Cao**